



Original Article

## Higher Education Quality Assurance and Accreditation and University Autonomy Exercising in Vietnam

Ta Thi Thu Hien<sup>1,2,\*</sup>, Mai Trong Nhuan<sup>1</sup>,  
Nguyen Thi Thu Huong<sup>1,2</sup>, Vu Minh Phuong<sup>1</sup>, Nguyen Cong Uoc<sup>3</sup>

<sup>1</sup>VNU Center for Education Accreditation, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

<sup>2</sup>VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

<sup>3</sup>Vietnam National University of Agriculture, Trau Quy, Gia Lam, Hanoi, Vietnam

Received 31 March 2022

Revised 26 April 2022; Accepted 15 May 2022

**Abstract:** Along with the mechanism of quality assurance and accreditation that higher education system in Vietnam has been operating, university autonomy is a crucial factor in university governance, creating flexibility and dynamism for higher education institutions (HEIs), and increasing competitiveness among HEIs in the process of creating knowledge and leading the society to develop. The article clarifies the essence of university autonomy, the relationship between quality assurance, accreditation and university autonomy in Vietnam, thereby proposing solutions to promote autonomy for institutions to improve the efficiency and quality of higher education.

**Keywords:** University autonomy, quality assurance, higher education accreditation, Vietnam.

\* Corresponding author.

E-mail address: [tahien@vnu.edu.vn](mailto:tahien@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4660>

# Bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục với việc thực hiện tự chủ đại học ở Việt Nam

Tạ Thị Thu Hiền<sup>1,2,\*</sup>, Mai Trọng Nhuận<sup>1</sup>,  
Nguyễn Thị Thu Hương<sup>1,2</sup>, Vũ Minh Phương<sup>1</sup>, Nguyễn Công Ước<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

<sup>3</sup>Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 31 tháng 3 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 26 tháng 4 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 5 năm 2022

**Tóm tắt:** Cùng với cơ chế bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục các cơ sở giáo dục đại học đã và đang được vận hành ở nước ta, tự chủ đại học là yếu tố quan trọng trong quản trị đại học, tạo ra sự linh hoạt, năng động cho các cơ sở giáo dục đại học, làm tăng tính cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục đại học trong quá trình sáng tạo ra tri thức, dẫn dắt xã hội phát triển. Bài viết làm rõ các vấn đề tự chủ đối với cơ sở giáo dục đại học, mối quan hệ giữa bảo đảm, kiểm định chất lượng và tự chủ đại học ở Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp phát huy quyền tự chủ cho các cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục đại học.

**Từ khóa:** Tự chủ đại học, bảo đảm chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục, Việt Nam.

## 1. Đặt vấn đề

Một trong những vấn đề cơ bản, cốt lõi của quản trị đại học tiên tiến là thiết lập được quyền tự chủ trong giáo dục đại học. Việc thực hiện tự chủ đại học là điều kiện cần thiết để thực hiện các phương thức quản trị đại học tiên tiến nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Tự chủ đại học hay còn gọi là tự chủ của trường đại học (sau đây gọi chung là tự chủ của cơ sở giáo dục đại học) liên quan đến mối quan hệ giữa trách nhiệm giải trình từ bên trong cơ sở giáo dục đại học với các thiết chế từ bên ngoài, chủ yếu là sự kiểm soát, quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước và khả năng cơ sở giáo dục đại học hoạt động theo cách thức đã lựa chọn để đạt được sứ mạng và mục tiêu, tầm nhìn đã đặt ra. Vậy tự chủ đại học là gì; bảo đảm chất lượng, kiểm

định chất lượng giáo dục và tự chủ đại học ở Việt Nam có mối quan hệ như thế nào; các cơ sở giáo dục đại học cần làm gì để có thể thực hiện quyền tự chủ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của mình và hướng tới nâng cao hiệu quả chất lượng của giáo dục đại học Việt Nam? Đó là những vấn đề được nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu và phân tích để đưa ra các giải pháp phù hợp.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

### 2.1. Quan điểm tiếp cận về tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình

Tự chủ đại học (university autonomy) đã được nhà nghiên cứu về quản trị cũng như các nhà hoạch định chính sách quan tâm từ thập niên 80. Tự chủ đại học xuất hiện đầu tiên qua khái niệm là “sự ra đời của trường đại học” vào khoảng thế kỷ thứ XII, với các trường Bologna ở Ý và một số trường ở Anh, Pháp; sau đó được

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tahien@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4660>

nhắc tới nhiều nhất qua thể hiện “tinh thần tự do học tập và tự do giảng dạy” theo một trong ba nguyên lý nền tảng của Humbolt khi thành lập Đại học Berlin vào thế kỷ XVIII [1]. Tư tưởng này được phát triển rõ hơn ở Hoa Kỳ và ngày nay có ảnh hưởng mạnh mẽ tới các đại học ở Châu Âu và trên thế giới. Và trong tuyên bố “Magna Charta Universitatum” của Liên hiệp các đại học Châu Âu năm 1988 cũng nêu “trường đại học là một tổ chức tự chủ nằm ở trung tâm của mọi xã hội” [2]. Quyền tự chủ được coi là điều kiện tiên quyết, quan trọng cho sự thành công của các trường đại học, là “quyền của các trường đại học được tự mình điều hành mà không chịu sự can thiệp từ bên ngoài” [3] và được hiểu là “sự tự do của một cơ sở giáo dục đại học trong việc điều hành các công việc của trường mà không có sự chỉ đạo hay tác động từ bất cứ cấp chính quyền nào” [4]. Tự chủ đại học có nghĩa là các cơ sở giáo dục đại học được nắm trong tay vận mệnh của chính mình, có động lực để đổi mới nhằm đạt hiệu quả hoạt động cao hơn, tăng tính cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục đại học, do đó, quản trị đại học theo hướng trao quyền tự chủ cho các trường đại học được coi là trọng tâm của sáng kiến cải cách giáo dục đại học trên khắp thế giới [5].

Mặc dù chưa có định nghĩa thống nhất về nội dung, phạm vi, mức độ tự chủ giữa các hệ thống giáo dục và quốc gia khác nhau, nhưng có thể thấy đa số các nghiên cứu đều chỉ ra rằng tự chủ đại học là mức độ độc lập cần có của các cơ sở giáo dục đại học đối với các chủ thể bên ngoài để có thể thực hiện được việc quản trị và tổ chức nội bộ, phân bổ các nguồn lực và tài chính, sử dụng các nguồn tài chính ngoài ngân sách công, tuyển dụng nhân sự, xây dựng các tiêu chuẩn đào tạo và nghiên cứu, và cuối cùng là quyền tự do trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động của mình.

Lịch sử phát triển giáo dục đại học cho thấy phạm vi và mức độ tự chủ đại học tùy thuộc vào sự phát triển của các hệ thống giáo dục khác nhau. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, mức độ tự chủ phụ thuộc vào khuôn khổ pháp lý do cơ quan có thẩm quyền công bố, điều này cho thấy mức độ tự chủ đại học của các cơ sở giáo dục đại học công lập ở các quốc gia, với các thể chế

khác nhau, do đó cũng không đồng nhất [6]. Có thể phân thành các mô hình Nhà nước kiểm soát hoàn toàn; mô hình bán tự chủ; mô hình bán độc lập và mô hình độc lập [7]. Theo Anderson và Johnson, có 7 yếu tố/linh vực thể hiện về tự chủ đại học gồm: cán bộ, sinh viên, chương trình đào tạo và hoạt động dạy học, các tiêu chuẩn chuyên môn, nghiên cứu và điều hành [4]. Mức độ tự chủ đối với các lĩnh vực này thường không giống nhau, và do đó sự kiểm soát của chính phủ cũng tùy thuộc, có thể can thiệp vào một số lĩnh vực nào đó hoặc tất cả các lĩnh vực hoạt động của cơ sở giáo dục đại học [8]. Để đảm bảo thực hiện được tự chủ đại học, thường ít nhất có bốn yếu tố điều kiện cần là: tự chủ về cơ cấu tổ chức, quy trình ra quyết định lựa chọn hiệu trưởng/người đứng đầu, Hội đồng trường; tự chủ tài chính; tự chủ về học thuật (bao gồm hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ và tự chủ về nguồn nhân lực (tự quyết định tuyển dụng và điều hành nguồn nhân lực phù hợp với lợi ích của nhà trường) [9].

Quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học một mặt đảm bảo cho cơ sở giáo dục đại học được tự quyết định các vấn đề của mình, nhưng mặt khác cũng đề cao trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học đối với sinh viên, các nhà tuyển dụng, với các bên liên quan khác và xã hội. Trách nhiệm này thường được gọi là trách nhiệm giải trình, bao gồm sự minh bạch thông tin, căn cứ quyết định phù hợp và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của nhà trường. Tự chủ và trách nhiệm giải trình được coi trọng trong công tác quản lý, giúp tạo động lực để cơ sở giáo dục đại học đổi mới nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong hoạt động của mình, đồng thời cũng tăng tính cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục đại học, tạo điều kiện để đa dạng hóa các hoạt động giáo dục. Thực tiễn đã chỉ ra rằng cơ sở giáo dục đại học có quyền tự chủ càng cao thì càng phải giải trình thể hiện sự minh bạch và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Trách nhiệm giải trình yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học phải công khai, minh bạch, giải trình được mọi hoạt động của mình trước cơ quan chủ quản cấp trên, trước các tổ chức cung cấp tài chính, trước sinh viên và phụ huynh, trước các nhà tuyển dụng và các bên liên quan

khác,...[10]. Song song với việc giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học, Nhà nước kiểm tra, giám sát và yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học thực hiện trách nhiệm giải trình về các hoạt động. Do đó, thực hiện bảo đảm chất lượng đáp ứng các yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục chính là nội dung quan trọng nhất trong trách nhiệm giải trình của nhà trường trước xã hội [11].

Kinh nghiệm từ các nước có nền giáo dục đại học thành công, có uy tín trên thế giới cho thấy quyền tự chủ cao đi đôi với trách nhiệm giải trình và giám sát chất lượng thông qua kiểm định chất lượng giáo dục của tổ chức độc lập giúp cho các hoạt động quản trị trong nhà trường được thực hiện hiệu quả hơn, từ đó chất lượng và danh tiếng của nhà trường được tăng cao hơn. Trách nhiệm giải trình có thể được cụ thể hóa khác nhau ở mỗi quốc gia và hoàn toàn phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế, xã hội, chính sách phát triển giáo dục đại học cũng như văn hóa tuân thủ của mỗi quốc gia, và cả chính sách phát triển của từng cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện tự chủ đại học.

## 2.2. Bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục

Theo UNESCO, bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục đại học liên quan đến các chính sách và cơ chế, thủ tục của mỗi cơ sở giáo dục để đảm bảo rằng cơ sở giáo dục đó thực hiện được các mục tiêu cũng như các tiêu chuẩn áp dụng cho giáo dục đại học nói chung hoặc cho từng lĩnh vực nghề nghiệp nói riêng [12]. Đảm bảo chất lượng bên trong còn được coi là những hoạt động bên trong cơ sở giáo dục đại học để tự giám sát, đánh giá và cải thiện chất lượng các mặt hoạt động. Mục đích chính của bảo đảm chất lượng bên trong là đánh giá hiệu quả các mặt hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ nhằm cải tiến kịp thời để nâng cao chất lượng; làm căn cứ phân bổ nguồn lực công bằng, đồng thời thể hiện sự tuân thủ các tiêu chuẩn bên ngoài, thực hiện trách nhiệm giải trình với Chính phủ và xã hội.

Mô hình bảo đảm chất lượng cho giáo dục đại học thường xem xét các yếu tố quan trọng liên quan đến đầu vào, quá trình và đầu ra. Theo đó, các yếu tố quản lý, chính sách, nhân viên,

sinh viên, kinh phí, cơ sở vật chất trang thiết bị thuộc các yếu tố đầu vào. Các yếu tố liên quan đến quá trình bao gồm các chương trình đào tạo, dự án nghiên cứu, các hoạt động phục vụ cộng đồng,... Các yếu tố đầu ra là các yếu tố liên quan tới sinh viên tốt nghiệp, sản phẩm nghiên cứu khoa, dịch vụ,... Tất cả 3 yếu tố quan trọng trên thể hiện việc đạt được sứ mạng, mục tiêu, kết quả mong đợi và được thể hiện thông qua sự hài lòng của các bên liên quan. Mô hình bảo đảm chất lượng cho chương trình đào tạo cũng xoay quanh các điều kiện tiên quyết về đầu vào, quá trình và đầu ra; sự hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động của chương trình đào tạo bao gồm nội dung chương trình, tổ chức đào tạo, triết lý giáo dục, thiết kế chương trình giảng dạy, đội ngũ, đánh giá các hoạt động liên quan đến sinh viên, giảng viên và nhân viên, cơ sở vật chất, bảo đảm chất lượng nội bộ. Đầu ra của chương trình đào tạo với các chỉ số như kết quả học tập của người học, tỷ lệ tốt nghiệp/thời học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ người học tốt nghiệp có và tạo việc làm, chi phí cho mỗi người học. Ngoài ra, sự hài lòng được đo lường qua việc phân tích kết quả phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động, giảng viên, nhân viên hỗ trợ và xã hội. Các nghiên cứu và thực tiễn cho thấy, một hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong hiệu quả là hệ thống tổng thể trong đó nguồn lực và thông tin dùng để thiết lập, duy trì và cải tiến chất lượng cũng như các tiêu chuẩn về giảng dạy của giảng viên, kinh nghiệm học tập, nghiên cứu của người học, và các dịch vụ cộng đồng luôn được thực hiện và cải tiến. Đó là hệ thống mà các nhà quản lý và cán bộ hài lòng rằng nó vận hành, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.

Theo tiêu chuẩn ESG cho bảo đảm chất lượng giáo dục đại học ở Châu Âu, bảo đảm chất lượng là trách nhiệm của chính cơ sở giáo dục đại học [13]. Ở nhiều quốc gia, Chính phủ có trách nhiệm đặc biệt liên quan đến bảo đảm chất lượng, nhưng cơ sở giáo dục đại học (và đặc biệt là cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên) chịu trách nhiệm cho chính chất lượng giáo dục của mình. Điều quan trọng là mỗi cơ sở giáo dục

đại học cần phát triển một hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong hiệu quả mà điều kiện để phát triển hệ thống là cần trang bị đầy đủ các quy trình và công cụ cơ bản để theo dõi, giám sát mức độ cải tiến; và thường được triển khai theo chu trình Deming (lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra và cải tiến).

Hệ thống bảo đảm chất lượng bên ngoài cần thiết có sự thiết lập các tiêu chuẩn theo quy định để thực hiện quyền tự chủ, sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học. Kiểm định chất lượng giáo dục là một cơ chế bảo đảm chất lượng từ bên ngoài, quy trình bao gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài và thẩm định, công nhận chất lượng. Về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, Luật Giáo dục đại học năm 2012 đã dành Chương VII, gồm 5 điều quy định chi tiết về: i) Mục tiêu, nguyên tắc và đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục; ii) Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; iii) Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học về kiểm định chất lượng giáo dục; iv) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; và v) Sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục [14]. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Luật số 34/2018/QH14) cũng quy định cụ thể: “Bảo đảm chất lượng giáo dục đại học là quá trình liên tục, mang tính hệ thống, bao gồm các chính sách, cơ chế, tiêu chuẩn, quy trình, biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục đại học” (Điều 49) và đặc biệt nhấn mạnh về hệ thống bảo đảm chất lượng trong giáo dục đại học, quy định về bảo đảm chất lượng bên trong của cơ sở giáo dục đại học, trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục (Điều 50); yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục là bắt buộc đối với cơ sở giáo dục đại học; đồng thời cũng quy định rõ kiểm định chất lượng giáo dục là hoạt động đánh giá, công nhận cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành [15]. Việc đánh giá và giám sát chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng cho các chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục với cơ chế kiểm soát được thực hiện để đáp ứng theo yêu cầu của các tiêu chuẩn, mục đích là để cải

tiến chất lượng và đảm bảo niềm tin của các bên liên quan và xã hội rằng cơ sở giáo dục đại học có thể cung cấp chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn và đạt được các mục tiêu giáo dục theo các trình độ và bằng cấp.

Ngoài các văn bản do Quốc hội, Chính phủ ban hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GDĐT đã ban hành văn bản pháp quy về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học để triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng sư phạm và các chương trình đào tạo đại học và đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm. Bộ tiêu chuẩn (TC) mới đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học với 25 TC, 111 tiêu chí đang được triển khai đã chú trọng nhiều hơn đến đánh giá đầu vào, quá trình và quản lý sản phẩm đầu ra với chu trình PDCA cho 4 cấu phần phù hợp với bảo đảm chất lượng trong cơ sở giáo dục đại học về: chiến lược, hệ thống và chức năng (từ TC 1-21) và quản trị sản phẩm đầu ra (TC 22-25) [16]. Các cơ sở giáo dục đại học cần phải tự đánh giá và cải tiến chất lượng ở cả 4 cấu phần, đồng thời phải thường trực các hoạt động đối sánh trong nước, quốc tế để liên tục cải tiến chất lượng và đáp ứng yêu cầu, sự hài lòng của các bên liên quan.

Cho đến nay, Việt Nam đã thiết lập được hệ thống TC khung cho việc đánh giá và công nhận chất lượng đối với các cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo; quy trình thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đối với 2 đối tượng này đã được triển khai; việc đánh giá ngoài và thẩm định, công nhận mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng đã được thực hiện bởi các chuyên gia có năng lực, am hiểu về giáo dục đại học. Bộ GDĐT cũng đã thành lập và cho phép thành lập 7 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục của 04 tổ chức nước ngoài tại Việt Nam. Có thể thấy hệ thống tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam đã được hình thành và phát triển để đáp ứng nhu cầu triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, thúc đẩy việc thực hiện tự chủ đại học đạt hiệu quả cao hơn.

### 2.3. Tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam

Vấn đề tự chủ của trường đại học ở Việt Nam được nêu rõ trong Điều lệ trường đại học năm 2003 (Điều 10): “Trường đại học được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự” [17] và trong Luật Giáo dục 2005: “Trường đại học được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của nhà trường” [18]. Quy định cụ thể về quyền tự chủ tài chính của trường đại học được nêu rõ tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ<sup>1</sup>. Luật Giáo dục đại học 2012 quy định cụ thể điều kiện đối với cơ sở giáo dục đại học khi “thực hiện quyền tự chủ ở mức độ cao hơn phù hợp với năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục” [14]. Sau đó, Luật số 34/2018/QH14 (Điều 4) [15], Nghị định số 99/2019/NĐ-CP [19] đã xác định rõ khái niệm quyền tự chủ là: “Quyền tự chủ là quyền của cơ sở giáo dục đại học được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở giáo dục đại học” (khoản 11, Điều 4). Luật Giáo dục đại học 2012 đã có quy định về việc sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục là căn cứ để cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ [14]. Luật 34/2018/QH14 quy định kiểm định chất lượng giáo dục là bắt buộc đối với cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo, là một trong bốn điều kiện để thực hiện tự chủ; cơ sở giáo dục đại học cần thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học; công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật (Điều 32) [15].

<sup>1</sup> Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Ngoài ra, quyền tự chủ đối với cơ sở giáo dục đại học còn được thể hiện trong nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tự chủ đại học, đã hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học phát huy quyền tự chủ, phát triển đào tạo, khoa học công nghệ, thu hút nhân lực chất lượng cao và đổi mới cách thức quản trị nhằm phát huy hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để nâng cao chất lượng giáo dục<sup>2</sup>. Bên cạnh đó, một số quy định cũng được ban hành trực tiếp liên quan đến nội dung tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học như Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học công nghệ công lập,... (nay được thay thế bởi Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập) [20]. Đặc biệt Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017 theo 5 lĩnh vực về: thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; tổ chức bộ máy, nhân sự; tài chính; chính sách học bổng, học phí đối với các đối tượng chính sách; và đầu tư, mua sắm [21]. Theo đó, Chính phủ đã cho phép thí điểm đổi mới cơ chế tự chủ cho 23 cơ sở giáo dục đại học công lập. Với những kết quả và kinh nghiệm thực hiện thí điểm tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện kinh tế thị trường và xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng của Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay là kinh nghiệm để các cơ sở giáo dục đại học đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và

<sup>2</sup> Một số chủ trương, chính sách: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 - Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013; Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học công nghệ công lập,...

cung cấp dịch vụ, giúp tăng cường tính năng động, tạo sự cạnh tranh giữa các trường và nâng cao trách nhiệm giải trình của các bên liên quan trong nhà trường. Để thực hiện tự chủ đại học thành công đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học cần có năng lực thực hiện cùng với các định hướng chính sách đảm bảo cho các khả năng đó được thực thi, bao gồm những điều kiện khách quan, chủ quan, những định hướng, kế hoạch chiến lược cho phát triển các điều kiện đó và trên hết là những điều kiện bảo đảm chất lượng đối với một cơ sở giáo dục đại học [22].

Yêu cầu đối với trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học cũng được chi tiết hóa tại Điều 32 của Luật 34/2018/QH14, cụ thể: i) Giải trình về chất lượng hoạt động, công khai báo cáo hằng năm về các chỉ số kết quả hoạt động; giải trình về mức lương, thưởng và quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý; thực hiện kiểm toán đối với báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, kiểm toán đầu tư và mua sắm, công khai trung thực báo cáo tài chính hằng năm và các nội dung, hình thức giải trình khác theo quy định của pháp luật; và b) Trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học đối với chủ sở hữu, người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan [15]. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP đã có những quy định về trách nhiệm giải trình, theo đó các cơ sở giáo dục đại học phải minh bạch các thông tin về nhà trường, phải chịu trách nhiệm về việc bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ và cam kết của cơ sở giáo dục đại học [19].

Có thể diễn đạt nội dung tự chủ đại học được quy định trong Luật số 34/2018/QH14 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP theo ba lĩnh vực chính về chiến lược, về hệ thống (cơ cấu tổ chức, tài chính, nhân sự) và thực hiện chức năng (học thuật) theo mô hình bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục đại học như dưới đây (Hình 1).

Theo đó, *tự chủ về mặt chiến lược* là quyền quyết định về xây dựng và thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển. *Tự chủ về mặt hệ thống* là quyền tự quyết

định cơ cấu, quy chế hoạt động của các tổ chức và nhân sự, cơ cấu lao động, danh mục, tiêu chuẩn, chế độ của từng vị trí việc làm; tự quyết định việc tuyển dụng và điều hành nguồn nhân lực sao cho phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và lợi ích của cơ sở giáo dục đại học và các bên liên quan, quyết định nhân sự quản trị, quản lý trong cơ sở giáo dục đại học phù hợp với quy định của pháp luật. Tự chủ về mặt hệ thống còn bao gồm quyền quyết định hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong (cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình; kế hoạch chiến lược về bảo đảm chất lượng được xây dựng, thực hiện, cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục), hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong, tự đánh giá và tham gia đánh giá ngoài và đặc biệt là tự quyết định nâng cao chất lượng mọi hoạt động của cơ sở giáo dục đại học. *Tự chủ về tài chính và tài sản* là quyền tự quyết định việc phát triển, điều hành và phân bổ kinh phí trong nguồn hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về nguồn thu, quản lý và sử dụng nguồn tài chính, tài sản; thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển; chính sách học phí, học bổng cho sinh viên và chính sách khác phù hợp với quy định của pháp luật. *Tự chủ về thực hiện chức năng* (tự chủ về học thuật) là quyền quyết định và điều hành công tác đào tạo (xây dựng, thực hiện, đánh giá, cải tiến chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, tổ chức tuyển sinh, đào tạo, công nhận tốt nghiệp,...), nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyên gia tri thức, hợp tác trong nước và quốc tế của cơ sở giáo dục đại học phù hợp với quy định của pháp luật; ban hành, tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, chính sách, quy định, hướng dẫn liên quan. Tự chủ đại học được đánh giá bằng nhiều cách khác nhau, nhưng quan trọng nhất là đánh giá dựa vào kết quả hoạt động (về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, tài chính và thị trường) và mức độ đáp ứng yêu cầu, nhu cầu, sự hài lòng của các bên liên quan.



Hình 1. Khung bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT.

Như vậy, có thể thấy vấn đề bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục và tự chủ đại học là chủ đề của nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước; đã được đưa vào trong các chủ trương, chính sách, Luật định của Việt Nam và cũng đã được các cấp quản lý cũng như các cơ sở giáo dục đại học nỗ lực triển khai và cũng đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có nghiên cứu đi sâu làm rõ về mối quan hệ giữa bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục và tự chủ đại học từ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục. Và đó chính là lý do của nghiên cứu này.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed methods) kết hợp phương pháp định tính với phương pháp định lượng, trong đó tập trung khảo cứu tài liệu, phân tích kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục đại học và các chương trình đào tạo từ 2015 đến nay theo các bộ TC do Bộ GDĐT ban hành, tham vấn chuyên gia và phỏng vấn sâu các cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học được kiểm định chất lượng giáo dục. Cụ thể, từ các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước, nhóm tác giả hệ thống hóa các vấn đề lý luận về tự chủ đại học, tìm hiểu mối quan hệ giữa bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục với tự chủ đại học; tiến hành phân tích kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của 117 cơ sở

giáo dục đại học theo bộ TC ban hành tại Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 (sau đây gọi là bộ TC cũ), kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của 52 cơ sở giáo dục đại học theo bộ TC ban hành tại Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 (sau đây gọi là bộ TC mới) và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của 392 chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ theo bộ TC ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2014 của Bộ GDĐT được công khai trên trang thông tin điện tử của 5 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước và trang thông tin điện tử của Bộ GDĐT; so sánh kết quả kiểm định chất lượng giáo dục giữa các nhóm trường theo loại hình công lập - tư thục, nhóm trường công lập thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ theo Nghị quyết 77/NQ-CP của Chính phủ và nhóm trường công lập chưa thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ. Dữ liệu định lượng được tập hợp, xử lý bằng các phần mềm Excel và SPSS 26. Kết quả phân tích dữ liệu giúp làm rõ thực trạng hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam từ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, mối liên hệ giữa bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục với việc thực hiện cơ chế tự chủ của các nhà trường. Căn cứ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đã phân tích, nhóm tác giả thu thập dữ liệu định tính thông qua việc tham vấn ý kiến của 05 chuyên gia và phỏng vấn sâu 15 kiểm định viên, đánh giá viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đã được kiểm định



chất lượng giáo dục về các vấn đề liên quan đến thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học với bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục,... để giúp làm rõ hơn các vấn đề liên quan. Thông tin từ phỏng vấn và kết quả phân tích kết quả kiểm định chất lượng giáo dục các cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo giúp nhóm nghiên cứu có thêm căn cứ đề xuất, kiến nghị các giải pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tự chủ đại học, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục để phát triển nhanh mà bền vững giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu, yêu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. *Mối quan hệ giữa bảo đảm, kiểm định chất lượng và tự chủ đại học ở Việt Nam*

Bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục và tự chủ đại học là ba phương thức quản lý quan trọng, quyết định tới chất lượng của cơ sở giáo dục đại học. Cả ba yếu tố này có mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau, các điều kiện bảo đảm chất lượng cùng với hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của cơ sở giáo dục để bảo đảm chất lượng về chiến lược, hệ thống, về thực hiện chức năng và kết quả. Quản trị muốn thực hiện được thì cần thiết có cơ chế tự chủ đại học để gia tăng các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục đại học. Tự chủ đại học cần được nhìn nhận và đánh giá theo bảo đảm chất lượng về kết quả, theo các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục về các yếu tố đầu vào, quá trình và kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

*Mối quan hệ giữa tự chủ đại học, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục trong thực hiện mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học*

Có thể thấy rằng, tự chủ đại học và bảo đảm chất lượng đều có cấu trúc chung về chiến lược, hệ thống, chức năng nhằm thực hiện mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học. Ba khía cạnh tự chủ đại học đều gắn với 3 yếu

tố bảo đảm chất lượng cốt lõi và cùng hướng đến xây dựng mô hình đại học tự chủ hiệu quả thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học. Trong quy trình quản trị nhà trường, để đảm bảo tự chủ, việc xác định đúng tầm nhìn, sứ mạng là điều tiên quyết mà cơ sở giáo dục đại học cần thực hiện. Trên cơ sở đó, tổ chức xây dựng chiến lược phát triển, cơ chế và chính sách phát triển để triển khai các hoạt động, đồng thời hình thành văn hóa, văn hóa chất lượng của tổ chức. Yếu tố đảm bảo thành công cho sự phát triển của cơ sở giáo dục đại học trong quá trình tự chủ là phát triển, sử dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ (bao gồm các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên hỗ trợ). Cơ chế khuyến khích đội ngũ cán bộ cần đi kèm với đầu tư và giám sát, đánh giá để đảm bảo vừa có sự tuân thủ theo quy định, nhưng vẫn phát huy được tính sáng tạo, đổi mới của đội ngũ cán bộ mới có thể có đóng góp cho sự phát triển của cơ sở giáo dục đại học. Như vậy, có thể thấy tự chủ đại học cần đi kèm với trách nhiệm giải trình và gắn với việc bảo đảm chất lượng và cơ chế kiểm định chất lượng giáo dục.

Các kết quả nghiên cứu và thực tiễn của hệ thống giáo dục đại học thế giới cho thấy, ba yếu tố quyết định phát triển cơ sở giáo dục đại học là: i) Tập trung nhiều tài năng bao gồm cả cán bộ và người học; ii) Nguồn lực dồi dào để đầu tư phát triển cơ sở vật chất, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, tạo lập môi trường học tập tốt và triển khai nghiên cứu dẫn đầu; và iii) Quản trị thuận lợi theo cơ chế tự chủ cao và dựa trên nền tảng số hóa để tạo lập môi trường làm việc thuận lợi, thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, khuyến khích và phát huy năng lực sáng tạo và sự năng động, thích ứng nhanh với thay đổi, khả năng quy tụ, phát huy sức mạnh tổng hợp và năng lực điều phối các nguồn lực hiệu quả để phát triển nhanh và bền vững cơ sở giáo dục đại học. Ba yếu tố nói trên cũng là các điều kiện bảo đảm chất lượng cơ bản nhất, quyết định nhất tới chất lượng của trường đại học [23]. Tự chủ đại học là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho ba yếu tố

nói trên được triển khai hiệu quả và gia tăng các điều kiện bảo đảm chất lượng này. Bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục có thể là công cụ, giải pháp để tự chủ đại học luôn đúng hướng, đạt mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động, đáp ứng cao và nhanh nhu cầu, yêu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tự chủ đại học đóng vai trò là phương thức để thực hiện mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn; còn bảo đảm chất lượng là công cụ để thực hiện. Phương thức tự chủ sẽ giúp cơ sở giáo dục đại học chủ động trong việc thiết lập hệ thống và các điều kiện bảo đảm chất lượng. Ở chiều tương ứng, việc thiết lập được các điều kiện bảo đảm chất lượng phù hợp sẽ giúp cơ sở giáo dục đại học triển khai được hiệu quả mô hình tự chủ và thực hiện mục tiêu phát triển, sứ mạng, tầm nhìn. Kết quả của mối quan hệ này là chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động (đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao tri thức, phục vụ cộng đồng, phát triển nguồn nhân lực, tài chính, hợp tác, cơ sở vật chất,...) được gia tăng mạnh mẽ. Mặt khác, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục sẽ giúp các cơ sở giáo dục đại học xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, từng bước nâng cao tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm để có thể tự quyết định và chịu trách nhiệm cuối cùng về các quyết định cho các hoạt động.

*Mối quan hệ giữa tự chủ đại học, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục trong thực hiện trách nhiệm giải trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch và giám sát xã hội đối với kết quả tự chủ đại học*

Việc giám sát bên trong hoạt động và kết quả tự chủ, thực hiện trách nhiệm giải trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch đã nêu trên của cơ sở giáo dục đại học được thực hiện thông qua: i) Hệ thống quản trị (tổ chức Đảng, Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn, công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên,...); ii) Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; và iii) Tự kiểm toán và hạch toán,... Thực hiện giám sát từ bên ngoài hoạt động và kết quả tự chủ, thực hiện trách nhiệm giải trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch thông qua kiểm toán; thanh tra, kiểm tra; kiểm định chất lượng giáo dục và

công nhận chất lượng giáo dục, đối sánh. Như vậy, bảo đảm chất lượng bên trong và bảo đảm chất lượng từ bên ngoài thông qua kiểm định chất lượng giáo dục là hai phương thức đặc biệt quan trọng để giám sát bên trong, bên ngoài hoạt động và kết quả tự chủ đại học, thực hiện trách nhiệm giải trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch của cơ sở giáo dục đại học. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và cũng đã làm rõ hơn một số lĩnh vực tự chủ được giao cho các cơ sở giáo dục đại học, trong đó có các vấn đề liên quan đến bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục. Việt Nam đang nỗ lực thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục đại học, phát huy hiệu quả tự chủ đại học; xác nhận mức độ cơ sở giáo dục đại học hoặc chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu giáo dục, thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của mình trong từng giai đoạn nhất định; làm căn cứ để cơ sở giáo dục giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo, đồng thời làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực [19].

Theo quy định của Luật 34/2018/QH14, các cơ sở giáo dục đại học cho dù có quyền tự chủ cao cũng cần tuân thủ các yêu cầu có tính khuôn khổ mà các bên liên quan bao gồm cả xã hội và Nhà nước đã xây dựng và công nhận [15]. Bộ GDĐT ban hành bộ tiêu chuẩn có tính khung để các cơ sở giáo dục đại học định hình các quy chuẩn về chiến lược, quản trị, cấu trúc hệ thống và chức năng và triển khai các hoạt động đảm bảo được chất lượng [16]. Căn cứ quy trình kiểm định chất lượng giáo dục, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học thể hiện rõ trong các khâu cơ bản của quy trình này: tự đánh giá với sản phẩm là báo cáo tự đánh giá và các thông tin, minh chứng mà cơ sở giáo dục đại học cung cấp đã thể hiện tính giải trình và trách nhiệm của cơ sở; báo cáo đánh giá ngoài với các thông tin thu nhận được qua khảo sát trực tiếp của đoàn đánh giá ngoài; thẩm định và công nhận thực hiện bởi hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục độc lập.

Có thể nói, trong xu thế phát triển hiện nay của giáo dục đại học, kiểm định chất lượng giáo dục là một phương thức để cơ sở giáo dục đại học thực hiện nghĩa vụ giải trình và chịu trách nhiệm. Kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện bởi một tổ chức độc lập trở thành một lựa chọn để thực hiện chức năng quản lý và giám sát của Nhà nước và xã hội đối với việc thực hiện quyền, kết quả, hiệu quả của tự chủ đại học và giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch của cơ sở giáo dục đại học. Đồng thời, về phía nội bộ cơ sở giáo dục đại học, kiểm định chất lượng giáo dục thúc đẩy các cơ sở giáo dục phải xây dựng được một hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ hiệu quả và bao phủ toàn bộ các hoạt động với sự tham gia của các bên liên quan. Việc kiểm định chất lượng giáo dục được coi như là sự bảo lãnh về tính minh bạch, chân thực và khách quan của các cơ sở giáo dục đại học thể hiện trong báo cáo tự đánh giá mà không phải là cách hạn chế quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học [23]. Do đó, để thúc đẩy tự chủ đại học, việc kiểm định chất lượng giáo dục cần được thực hiện nghiêm túc, đúng đắn để thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc khẳng định chất lượng của cơ sở giáo dục đại học. Kiểm định chất lượng giáo dục có vai trò đặc biệt quan trọng để làm căn cứ giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học như quy định của Luật Giáo dục đại học 2012 (Điều 32): “cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ cao hơn phù hợp với năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục” [14]. Việc sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục trong thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học cũng được quy định trong Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, cụ thể, cơ sở giáo dục đại học công lập được tự xác định mức thu học phí đối với chương trình đào tạo đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo TC của Bộ GDĐT hoặc tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tương đương; cơ sở giáo dục đại học công lập xác định mức học phí tương ứng với mức độ tự chủ tài chính và kiểm định chất lượng. Cần chú trọng vai trò của kiểm định chất lượng giáo dục; gắn kết chặt chẽ giữa đánh giá chất lượng của trường đại học với hỗ trợ tài

chính từ Chính phủ và các bên liên quan khác,...” [19].

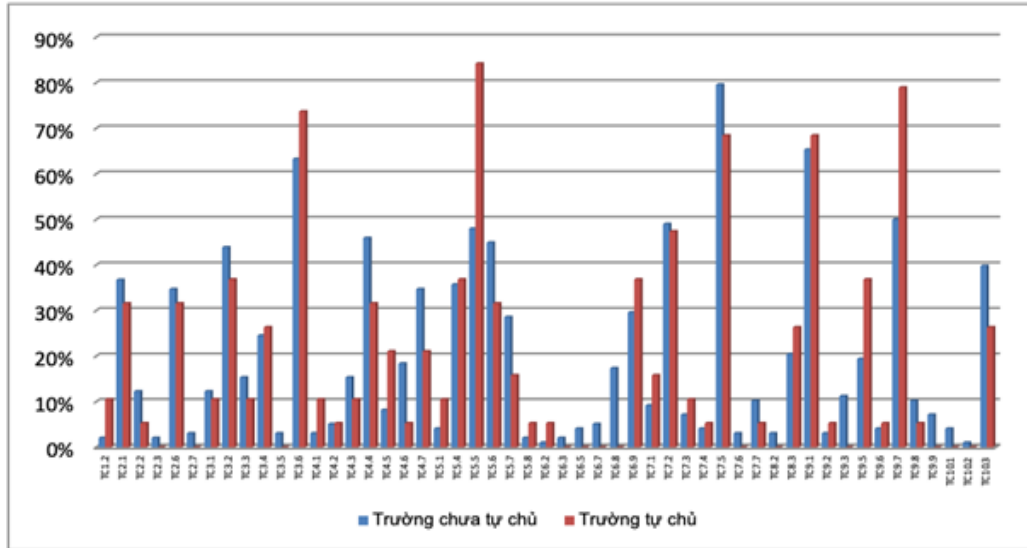
#### 4.2. Một số vấn đề về tự chủ đại học từ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Tính đến hết tháng 02/2022, cả nước đã có 171 cơ sở giáo dục đại học đã được kiểm định chất lượng, trong đó có 117 cơ sở giáo dục đại học được kiểm định chất lượng theo bộ TC cũ và 52 cơ sở giáo dục được kiểm định chất lượng theo bộ TC mới<sup>3</sup>. Trong số 23 cơ sở giáo dục công lập được thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết 77/NQ-CP (gọi tắt là trường được thí điểm tự chủ), có 21 cơ sở giáo dục đã được kiểm định chất lượng giáo dục (trong đó có 19 cơ sở được kiểm định chất lượng bởi tổ chức kiểm định trong nước và 02 cơ sở được kiểm định chất lượng bởi tổ chức quốc tế). Số lượng chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT là 392 chương trình đào tạo.

Phân tích kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục đại học được kiểm định chất lượng giáo dục theo bộ TC cũ có thể thấy, có 21 tiêu chí chưa đạt của các cơ sở giáo dục đại học được thí điểm tự chủ có tỷ lệ cao hơn so với các cơ sở giáo dục đại học khác (Hình 2). Đó là những tiêu chí về xác định mục tiêu (tiêu chí 1.2); về cập nhật, đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo (tiêu chí 3.4, 3.6); về tổ chức đào tạo, kiểm tra đánh giá (tiêu chí 4.1, 4.2, 4.5); về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên, nhân viên (tiêu chí 5.1, 5.4, 5.5, 5.8); về người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy và chất lượng đào tạo của trường (tiêu chí 6.9); về hoạt động và đóng góp của nghiên cứu khoa học (tiêu chí 7.1, 7.4), các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH có hiệu quả (tiêu chí 8.3); về thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác các (tiêu chí 9.1, 9.2, 9.5, 9.6, 9.7). 40 tiêu chí khác có kết quả ngược lại, một phần thể hiện tự chủ cao hơn đã góp phần bảo đảm chất lượng cho các nội dung trong tiêu chí này được thực hiện tốt hơn so với các cơ sở giáo dục đại học khác. Điều đáng lưu ý là tỷ lệ chưa đạt đối với các tiêu chí liên quan đến tự chủ về học thuật (đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác

quốc tế về khoa học công nghệ) của các cơ sở giáo dục đại học được thực hiện thí điểm tự chủ

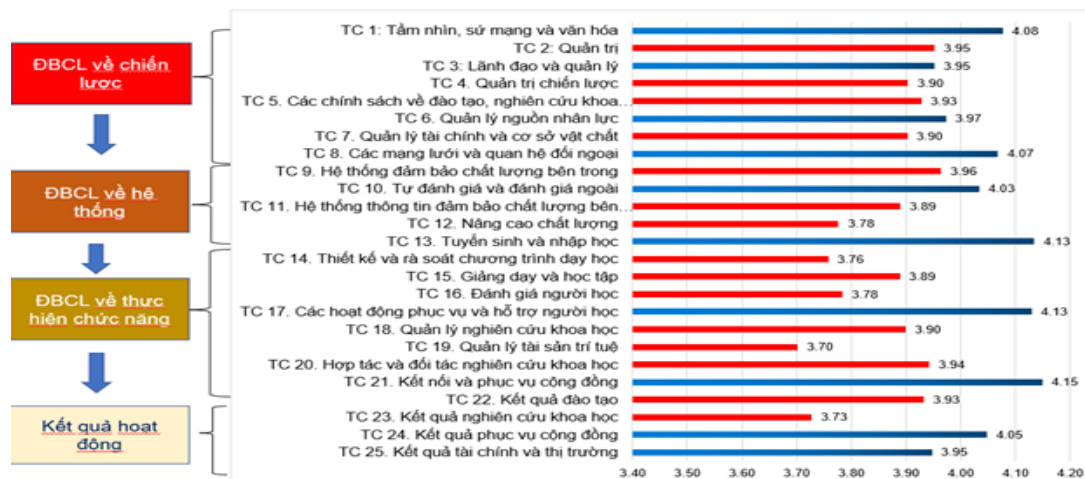
lại cao hơn các cơ sở giáo dục đại học khác (Hình 2).



Hình 2. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của 19 cơ sở giáo dục đại học được giao thí điểm tự chủ so với 98 cơ sở giáo dục đại học khác theo bộ TC ban hành tại Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT.

Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục các cơ sở giáo dục đại học theo bộ TC mới cho thấy: chỉ có 7 TC có kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức điểm trung bình trên 4 là: TC 1 (tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá), TC 8 (quan hệ đối ngoại), TC 10 (tự đánh giá và đánh giá ngoài), TC 13 (tuyển sinh và nhập học), TC

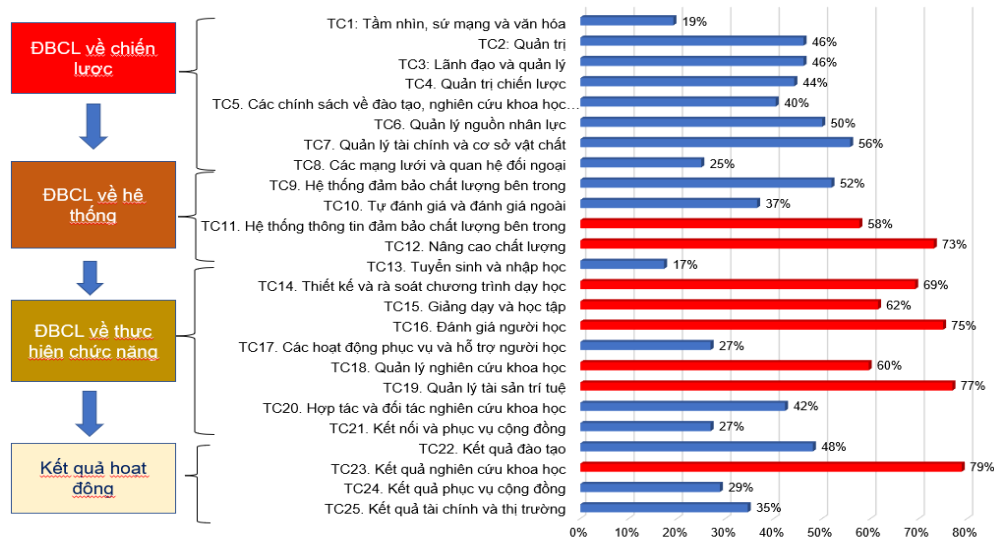
17 (các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học), TC 21 (kết nối và phục vụ cộng đồng), TC 24 (kết quả phục vụ cộng đồng). Điểm trung bình của 18 TC còn lại, phản ánh năng lực, hiệu quả quản trị đại học, tự chủ đại học và bảo đảm chất lượng có giá trị thấp hơn mức 4 (Hình 3).



Hình 3. Kết quả điểm trung bình của từng TC của 52 cơ sở giáo dục đại học đã được kiểm định chất lượng theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT.

Kết quả cũng cho thấy: có ít nhất 50% cơ sở giáo dục đại học trong số 52 cơ sở đạt mức điểm trung bình thấp hơn 4 ở 11/25 TC, tập trung vào: a) quản trị, quản lý (quản lý nguồn nhân lực - TC 6, quản lý tài chính và cơ sở vật chất - TC 7, quản lý nghiên cứu khoa học - TC 18, quản lý tài sản trí tuệ - TC19); b) hoạt động đào tạo (thiết kế và rà soát chương trình dạy học - TC 14, giảng dạy và học tập - TC 15, đánh giá người học - TC 16); c) bảo đảm chất lượng bên trong (hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong - TC9, hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong - TC11, nâng

cao chất lượng - TC12); và d) kết quả nghiên cứu khoa học (TC 23) (Hình 4). Có thể thấy, đây là những tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục không liên quan nhiều đến đầu tư tài chính hay cơ sở vật chất (phụ thuộc rất nhiều vào nguồn lực từ bên ngoài), hoàn toàn nằm trong quyền, trách nhiệm của riêng cơ sở giáo dục đại học trong quy trình đảm bảo chất lượng. Điều này chứng tỏ, hiệu quả của quản trị đại học, trong đó có tự chủ đại học, bảo đảm chất lượng về mặt quản trị, chức năng và kết quả chưa cao, rất cần được chú trọng cải tiến.



Hình 4. Tỷ lệ cơ sở giáo dục đại học được kiểm định chất lượng theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT có điểm trung bình các TC đạt dưới mức 4.

So sánh điểm trung bình kết quả kiểm định chất lượng của 34 cơ sở giáo dục đại học công lập và 18 cơ sở giáo dục đại học tư thục có thể thấy: kết quả về tự đánh giá và đánh giá ngoài (TC 10), tuyển sinh và nhập học (TC 13), về

nghiên cứu khoa học (TC 18, 20, 23) của 34 cơ sở giáo dục đại học công lập cao hơn, nhưng kết quả đánh giá 20 TC còn lại thì bằng hoặc thấp hơn kết quả của 18 cơ sở giáo dục đại học tư thục và mặt bằng chung cả nước (Bảng 1).

Bảng 1. So sánh trung bình điểm đánh giá theo TC kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT (trên thang điểm 7)

Tiêu chuẩn	34 trường công lập	18 trường tư thục	52 trường
<b>I. Bảo đảm chất lượng về chiến lược</b>	<b>3,95</b>	<b>4,00</b>	<b>3,97</b>
TC 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4,05	4,13	4,08
TC 2. Quản trị	3,95	3,96	3,95
TC 3. Lãnh đạo và quản lý	3,95	3,96	3,95

Tiêu chuẩn	34 trường công lập	18 trường tư thục	52 trường
TC 4. Quản trị chiến lược	3,89	3,93	3,90
TC 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	3,90	3,97	3,93
TC 6. Quản lý nguồn nhân lực	3,97	3,97	3,97
TC 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	3,86	3,99	3,90
TC 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4,07	4,07	4,07
<b>II. Bảo đảm chất lượng về hệ thống</b>	<b>3,91</b>	<b>3,92</b>	<b>3,92</b>
TC 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	3,95	3,99	3,96
TC 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	<b>4,05</b>	4,00	4,03
TC 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	3,87	3,93	3,89
TC 12. Nâng cao chất lượng	3,78	3,78	3,78
<b>III. Bảo đảm chất lượng về thực hiện chức năng</b>	<b>3,94</b>	<b>3,92</b>	<b>3,93</b>
TC 13. Tuyển sinh và nhập học	<b>4,17</b>	4,07	4,13
TC 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	3,74	3,79	3,76
TC 15. Giảng dạy và học tập	3,88	3,91	3,89
TC 16. Đánh giá người học	3,76	3,82	3,78
TC 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4,09	4,21	4,13
TC 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	<b>3,93</b>	3,83	3,90
TC 19. Quản lý tài sản trí tuệ	3,70	3,71	3,70
TC 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	<b>4,04</b>	3,76	3,94
TC 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	4,13	4,19	4,15
<b>IV. Kết quả thực hiện</b>	<b>3,90</b>	<b>3,93</b>	<b>3,91</b>
TC 22. Kết quả đào tạo	3,90	3,99	3,93
TC 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	<b>3,77</b>	3,64	3,73
TC 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	4,01	4,11	4,05
TC 25. Kết quả tài chính và thị trường	3,92	4,00	3,95

Kết quả trên cho thấy, điểm trung bình đánh giá theo ba lĩnh vực (bảo đảm chất lượng về chiến lược, bảo đảm chất lượng về hệ thống, về kết quả thực hiện) của các trường đại học tư thục hiện đang cao hơn các trường công lập (Bảng 1). Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới kết quả này, trong đó có thể có yếu tố do các trường đại học tư thục phát huy quyền tự chủ hiệu quả hơn trong bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo ba lĩnh vực nói trên.

Còn đối với kết quả kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo theo bộ TC ban hành

tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT<sup>3</sup>, trong số 392 chương trình đào tạo đã được kiểm định có 312 chương trình đào tạo của 64 cơ sở giáo dục đại học công lập và 80 chương trình đào tạo của 14 cơ sở giáo dục đại học tư thục. Trong số này có 244 chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ của 54 cơ sở giáo dục đại học công lập chưa được giao tự chủ và 68 chương trình đào tạo của 10 cơ sở giáo dục đại học được thực hiện thí điểm tự chủ (Bảng 2). Mặt khác, nếu

<sup>3</sup> <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx>.

xác định một chỉ số về tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học về học thuật, thông qua việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo để công khai về chất lượng đào tạo thì với số lượng 23 cơ sở giáo dục đại học được giao thí điểm tự chủ mới có 10 đơn vị thực hiện kiểm định chất

lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn trong nước, một số ít kiểm định theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế với số lượng còn khá khiêm tốn thì các cơ sở giáo dục đại học cần có giải pháp để tăng cường hơn nữa cơ chế bảo đảm chất lượng bên trong và kiểm định chất lượng từ bên ngoài đối với chương trình đào tạo.

Bảng 2. Số CTĐT của 10 trường ĐH công lập được thí điểm tự chủ đã được kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Trường	Số chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng giáo dục
1	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	8
2	Trường ĐH Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	8
3	Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	12
4	Trường ĐH Hà Nội	3
5	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	3
6	Trường ĐH Mở Hà Nội	3
7	Trường ĐH Mở thành phố Hồ Chí Minh	4
8	Trường ĐH Ngoại thương	8
9	Trường ĐH Tài chính - Marketing	9
10	Trường ĐH Thương mại	10
	<b>Tổng</b>	<b>68</b>

Bảng 3. Điểm trung bình theo thang điểm 7 của các TC đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn	312 CTĐT đã được KĐCL của 64 CSGD công lập	80 CTĐT đã được KĐCL của 14 CSGD tư thực	68 CTĐT đã được KĐCL của 10 CSGD công lập thí điểm tự chủ	244 CTĐT đã được KĐCL của 54 CSGD công lập chưa tự chủ	392 CTĐT đã được KĐCL của cả nước
TC1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	3,83	3,90	3,80	3,84	3,84
TC2. Bản mô tả CTĐT	3,85	3,83	3,81	3,85	3,84
TC3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	3,75	3,72	3,75	3,76	3,75
TC4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	3,99	3,92	<b>3,99</b>	3,99	3,97
TC5. Đánh giá kết quả học tập của người học	3,92	3,87	<b>3,93</b>	3,92	3,91
TC6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	4,10	3,98	<b>4,11</b>	4,09	4,07
TC7. Đội ngũ nhân viên	4,00	4,09	<b>4,08</b>	3,98	4,02
TC8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	4,19	4,22	<b>4,22</b>	4,19	4,20
TC9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	3,98	4,05	3,97	3,98	3,99
TC10. Nâng cao chất lượng	3,91	3,95	3,92	3,91	3,92
TC11. Kết quả đầu ra	4,03	3,99	<b>4,04</b>	4,02	4,02

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, việc triển khai chương trình đào tạo (về phương pháp tiếp cận trong dạy và học - TC 4; đánh giá kết quả học tập của người học - TC 5; đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên - TC 6; đội ngũ nhân viên hỗ trợ - TC 7; người học và hoạt động hỗ trợ người học - TC 8; về nâng cao chất lượng - TC 10 (là các yếu tố đầu vào và quá trình chỉ phụ thuộc chủ yếu vào năng lực quản trị, quản lý, điều hành, tự chủ đại học nói chung) và kết quả đầu ra - TC 11) của 10 cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện thí điểm tự chủ được đánh giá ở mức cao, thậm chí bằng hoặc cao hơn so với kết quả của các cơ sở giáo dục đại học công lập và mặt bằng chung của 392 chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng của các cả nước. Tuy nhiên, điểm trung bình kết quả đánh giá về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (TC 1), bản mô tả chương trình đào tạo (TC 2) thấp hơn các cơ sở giáo dục đại học tự thực. Điều đó một phần thể hiện việc tự chủ đại học về học thuật của nhóm 10 cơ sở giáo dục đại học này có thể chưa phát huy được đầy đủ trong bảo đảm chất lượng các chương trình đào tạo.

Kết quả tham vấn các chuyên gia và các ý kiến tổng hợp qua phỏng vấn sâu các kiểm định viên, đánh giá viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học về các vấn đề liên quan đến điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, mức độ trao quyền tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học,... cũng giúp làm rõ thêm các kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nêu trên. Cụ thể, 10/15 người cho rằng các cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện thí điểm tự chủ đã xác định rõ sứ mạng, tầm nhìn của mình và cơ bản đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên đáp ứng yêu cầu về số lượng và dần nâng cao về chất lượng, cân đối về cơ cấu, có trách nhiệm xã hội và đủ năng lực tự chủ giải quyết các nhiệm vụ cả ở lĩnh vực quản trị đại học và lĩnh vực học thuật. Phần lớn các ý kiến qua phỏng vấn cho thấy, các cơ sở giáo dục đại học công lập được thực hiện thí

điểm tự chủ đã chủ động trong việc hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, cải tiến các hoạt động đào tạo, phát triển chương trình đào tạo, kết quả đầu ra được chú trọng để tăng tính trách nhiệm và giải trình. 08/15 ý kiến cũng khẳng định các cơ sở thuộc nhóm này đều có tỷ lệ nguồn thu từ ngân sách Nhà nước là rất nhỏ; học phí, lệ phí là nguồn thu chủ yếu; nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ còn chiếm tỷ trọng nhỏ, đặc biệt là nguồn thu từ chuyển giao còn hạn chế. 12/15 ý kiến cho rằng các cơ sở giáo dục đại học tự thực, đặc biệt ở các thành phố lớn, đã dần thể hiện năng lực thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình về học thuật và quản trị đại học, đặc biệt là thực hiện bảo đảm chất lượng bên trong. Bên cạnh đó, có 13/15 ý kiến khẳng định phân bổ các cơ sở giáo dục đại học công lập chưa được giao thực hiện cơ chế tự chủ thường có quy mô người học không lớn, năng lực đội ngũ để thực hiện tự chủ về quản trị và học thuật vẫn còn có những hạn chế; về cơ sở vật chất chỉ có một số cơ sở giáo dục đại học đảm bảo hiện đại, song nhiều cơ sở có quy mô nhỏ, diện tích chưa đáp ứng nhu cầu, cơ sở vật chất chưa thật đồng bộ, hiện đại và thư viện chưa đáp ứng. 14/15 ý kiến đánh giá cũng cho rằng các cơ sở giáo dục đại học gặp khó khăn trong cơ chế tuyển sinh, còn lệ thuộc vào nguồn thu từ ngân sách Nhà nước cấp; nhiều cơ sở giáo dục đại học được thực hiện thí điểm tự chủ, trong những năm đầu tập trung mở thêm các ngành nghề đào tạo theo xu thế thị trường mà chưa có cơ chế đảm bảo chất lượng từ bên trong một cách hiệu quả nên cũng có ảnh hưởng một phần đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

Như vậy, qua phân tích cụ thể kết quả kiểm định chất lượng giáo dục các cơ sở giáo dục đại học và các chương trình đào tạo cũng như kết quả phỏng vấn các bên liên quan cho thấy có sự tương quan khá chặt chẽ giữa kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, việc triển khai cơ chế tự chủ đại học và việc vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của các cơ sở giáo dục đại học. Kết quả cũng cho thấy, cơ sở giáo dục đại học thực hiện tự chủ thành công khi xây dựng được hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong

<sup>4</sup> <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx>.



hoàn thiện và thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục soi chiếu giúp các cơ sở giáo dục đại học vừa đạt được mục tiêu phát triển bền vững vừa thúc đẩy sự cạnh tranh năng động và lành mạnh nhằm nâng cao sự đóng góp của hệ thống giáo dục đại học vào sự phát triển của quốc gia.

## 5. Kiến nghị, đề xuất

Từ những vấn đề rút ra ở trên, đề tự chủ đại học phát huy được vai trò của mình, tăng cường hiệu quả đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục, cần lưu ý một số vấn đề sau:

Thứ nhất, hệ thống quản lý nhà nước về giáo dục đại học cần đổi mới về mặt chiến lược, quản trị. Cần nghiên cứu xây dựng và tổ chức quản lý, thiết lập và khai thác các cơ sở dữ liệu về giáo dục của tất cả các cơ sở giáo dục đại học để đánh giá và đối sánh các hoạt động, đúc rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp chung đầy mạnh tự chủ đại học. Đặc biệt, các cơ chế đối với thí điểm tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học cần được đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng để triển khai thực hiện hiệu quả.

Thứ hai, các yêu cầu của pháp luật về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục cần phải được triển khai thực hiện nghiêm túc vì đó là một kênh giám sát chất lượng quan trọng. Kiểm định chất lượng giáo dục cần được thực hiện thường xuyên bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có uy tín nhằm cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước các thông tin về chất lượng thực sự của cơ sở giáo dục đại học để có thể quyết định giao tự chủ cho cơ sở đó theo mức độ đáp ứng với các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục nhất thiết phải được hoàn thiện, được đầu tư và củng cố toàn diện cả về năng lực triển khai cũng như tính thực chất. Do đó, việc cần làm là sớm hoàn thiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục để vừa thể hiện được tính độc lập nhưng vẫn đảm bảo được trách nhiệm giải trình trong phán quyết về chất lượng đối với cơ sở giáo dục đại học. Đồng thời, cũng cần nghiên cứu thực hiện cơ chế phi

lợi nhuận trong các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục để tăng thêm tính độc lập.

Thứ ba, bản chất của bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục được coi là hoạt động của xã hội để giám sát việc thực hiện trách nhiệm giải trình và việc thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học cho nên cần có cơ chế và nguồn tài chính phù hợp cho các cơ sở giáo dục đại học xây dựng mô hình bảo đảm chất lượng rõ ràng với các quy định để phát triển bảo đảm chất lượng bên trong, cải thiện chất lượng đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, lãnh đạo, cán bộ làm công tác bảo đảm chất lượng, tạo động lực mạnh mẽ cho các cơ sở giáo dục đại học triển khai hoạt động bảo đảm chất lượng, xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường để liên tục cải tiến chất lượng đào tạo và tăng năng lực giải trình, tính trách nhiệm về chất lượng giáo dục.

Thứ tư, bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục và tự chủ đại học có mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau và là ba phương thức quản lý quan trọng quyết định tới chất lượng của cơ sở giáo dục đại học. Do đó, để chất lượng và hiệu quả các hoạt động trong nhà trường được gia tăng cần chú trọng xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong hiệu quả và tăng cường thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường và các chương trình đào tạo thường xuyên, định kỳ. Đồng thời, để tăng hiệu quả của tự chủ đại học, các cơ sở giáo dục đại học cần sử dụng hiệu quả các kết quả kiểm định chất lượng giáo dục để liên tục cải tiến nhằm bảo đảm chất lượng về chiến lược, về hệ thống và bảo đảm chất lượng kết quả thực hiện các chức năng đào tạo, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng, cũng như nâng cao hiệu quả tài chính và thị trường giáo dục.

Thứ năm, xây dựng văn hóa chất lượng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong trường đại học là hai hoạt động có quan hệ hữu cơ khăng khít, hỗ trợ và tác động lẫn nhau, cùng tạo nên văn hóa của cơ sở giáo dục. Các cơ sở giáo dục đại học cần vận hành và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong để bảo đảm cho chất lượng đào tạo, thực hiện trách nhiệm giải trình và tạo niềm tin của

các bên liên quan, xã hội về sản phẩm đào tạo của mình. Do đó, bên cạnh việc xây dựng và triển khai hệ thống bảo đảm chất lượng với cơ chế giám sát, đánh giá để quản lý chất lượng nội bộ hướng đến sự hài lòng các bên liên quan, các cơ sở giáo dục đại học cần tập trung xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng.

Một số giải pháp khác cần thực hiện từ góc độ quản lý nhà nước như: a) tổ chức đánh giá tác động của các chính sách bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục để có những điều chỉnh phù hợp trong giai đoạn tiếp theo; b) xây dựng Khung bảo đảm chất lượng quốc gia (bao gồm cả bảo đảm chất lượng bên trong và bên ngoài) có sự kết nối chặt chẽ với Khung trình độ quốc gia và tương thích với Khung bảo đảm chất lượng ASEAN và quốc tế; c) thực hiện việc giám sát chất lượng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục đại học và cả hệ thống bảo đảm chất lượng bên ngoài, mà tập trung là các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước và quốc tế; d) xây dựng hệ thống công cụ giám sát, đánh giá, với các chỉ số đo lường cụ thể; kết quả giám sát, đánh giá làm căn cứ đầu tư phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng đồng thời đảm bảo niềm tin của xã hội về chất lượng giáo dục đại học.

Từ góc độ các cơ sở giáo dục đại học, để đảm bảo được tự chủ triệt để và tăng trách nhiệm giải trình cần áp dụng sâu rộng chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo, tích hợp và liên thông về quản trị, tự chủ đại học, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường và các chương trình đào tạo để làm căn cứ cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động, qua đó dần xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng nhà trường nhằm đáp ứng cao và nhanh nhu cầu, yêu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

## 6. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu như đã nêu, có thể khẳng định tự chủ đại học theo tiếp cận của bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục là một cơ chế quản trị tiên tiến, cùng với việc thực thi cơ chế bảo đảm chất lượng, trách nhiệm giải trình và sự đánh giá từ bên ngoài

thông qua cơ chế kiểm định chất lượng giáo dục giúp cơ sở giáo dục có vị thế và tạo được niềm tin đối với xã hội. Tự chủ đại học có mối quan hệ khăng khít với bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục và chỉ có thể thành công khi cơ sở giáo dục xây dựng được hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong hoàn thiện và định kỳ kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng và tăng tính giải trình với xã hội và các bên liên quan. Việc quản trị đại học, tự chủ đại học cũng cần được thực hiện theo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo. Do đó, để vận hành tốt cơ chế tự chủ đại học, cơ sở giáo dục đại học cần thực hiện bảo đảm chất lượng gắn liền với việc xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, thực hiện trách nhiệm giải trình thông qua các cơ chế bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục. Đồng thời, cần tuân thủ thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đối với cả cơ sở giáo dục và cả chương trình đào tạo để cải tiến và khẳng định được chất lượng một cách toàn diện; tận dụng lợi thế ngày càng cao của cơ chế tự chủ đại học, cần thiết có sự gắn kết hệ thống, thiết lập cơ chế phát triển đồng bộ, đột phá để thực hiện chiến lược phát triển chung nhằm tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng hướng đến phát triển bền vững.

## Lời cảm ơn

Công trình nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội với Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu đánh giá tác động của chính sách kiểm định chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2015-2020 (theo Quyết định số 1229/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/4/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội).

## Tài liệu tham khảo

- [1] T. L. Quang, University Autonomy - Cognitive gaps and Institutional Heterogeneity, 14<sup>th</sup> National Assembly of Vietnam, National Assembly Committee for Culture, Education, Youth, Adolescents and Children, Vietnam Education Conference 2020 - "Autonomy in Higher Education

- from Policy to Practice”, National University Press, Ho Chi Minh City, [https://hueuni.edu.vn/portal/vi/data/ntahuucas/20201129\\_092216\\_vec2020\\_quyen2.pdf/](https://hueuni.edu.vn/portal/vi/data/ntahuucas/20201129_092216_vec2020_quyen2.pdf/), 2020 (accessed on: November 27<sup>th</sup>, 2020).
- [2] The Magna Charta Universitatum, Retrieved from <http://www.magna-charta.org/magna-charta-universitatum/>, 2020 (accessed on: November 27<sup>th</sup>, 2020).
- [3] UNESCO, Study on the Desirability of Preparing an International Instrument on Academic Freedom, International Conference on Academic Freedom and University Autonomy, 1992.
- [4] D. Anderson, R. Johnson, University Autonomy in Twenty Countries, Centre for Continuing Education The Australian National University, Retrieved from [http://www.magna-charta.org/resources/files/University\\_autonomy\\_in\\_20\\_countries.pdf/](http://www.magna-charta.org/resources/files/University_autonomy_in_20_countries.pdf/), 1998 (accessed on: November 27<sup>th</sup>, 2020).
- [5] G. Neave, F. A. van Vught, Government and Higher Education in Developing Nations: a Conceptual Framework, In G. Neave, F. A. van Vught (Eds.), Government and Higher Education Relationships Across Three Continents: The Winds of Change, Pergamon Press, 1994, pp. 1 -19.
- [6] P. Zgaga, Higher Education in Transition: Reconsiderations on Higher Education in Europe at the Turn of the Millennium, Umea University, 2007.
- [7] J. Fielden, Global Trends in University Governance. World Bank Report (Cited by P. D. N. Tien (2020). World Bank 2008 Report on Global Trends in University Governance), 2008.
- [8] OECD Annual Report 2007, Retrieved from [https://www.oecd-ilibrary.org/economics/oecd-annual-report-2007\\_annrep-2007-en/](https://www.oecd-ilibrary.org/economics/oecd-annual-report-2007_annrep-2007-en/), 2007 (accessed on: November 27<sup>th</sup>, 2020).
- [9] The Treaty of Lisbon 2007, Retrieved from <https://www.europarl.europa.eu/factsheets/en/sheet/5/the-treaty-of-lisbon/>, 2007 (accessed on: November 27<sup>th</sup>, 2020).
- [10] J. Fielden, Global Trends in University Governance. World Bank Report, 2008.
- [11] P. T. Ly, University Autonomy and Accountability: Relationship between Governance, University and Society, Science and Technology Development Magazine, 2012.
- [12] IIEP-UNESCO, Guidebook for Planning Education in Emergencies and Reconstruction, Retrieved from <http://www.iiep.unesco.org/en/publication/guidebook-planning-education-emergencies-and-reconstruction/>, 2006 (accessed on: November 27<sup>th</sup>, 2020).
- [13] The European Union Support to Higher Education in the ASEAN Region, State of Affairs and Development Needs, Higher Education Quality Assurance in the ASEAN Region, Retrieved from <https://www.share-asean.eu/sites/default/files/NiedermeierPohlenz-Higher-Education-QA-in-the-ASEAN-Region-State-of-Play.pdf/>, 2016 (accessed on: November 27<sup>th</sup>, 2020).
- [14] National Assembly of Vietnam, Law on Higher Education, Law No. 08/2012/QH13, Issued on June 18, 2012.
- [15] National Assembly of Vietnam, Law on Amendments to the Law on Higher Education, Law No. 34/2018/QH14, issued on 19 November 2018.
- [16] Ministry of Education and Training of Vietnam, Circular No. 12/2017/TT-BGDĐT Promulgating the Regulations on the Quality Accreditation of Higher Education Institutions, Issued on 19 May 2017.
- [17] Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam, The Prime Minister's Decision Number 153/2003/QĐ-TTg of July 30, 2003 on The Promotion of the University Charter, Issued on 30 July 2003.
- [18] National Assembly of Vietnam, Education Law, Law No: 38/2005/QH11, Issued on June 184, 2005.
- [19] The Government of the Socialist Republic of Vietnam, Decree Elaborating and Providing Guidelines for a Number of Articles of Law on Amendments to Law on Higher Education, Decree No. 99/2019/ND-CP, Issued on 30 December 2019.
- [20] The Government of the Socialist Republic of Vietnam, Decree Stipulating the Mechanism for Exercising the Autonomy of Public Administrative Units, Decree No. 16/2015/ND-CP, Issued on 14 February 2015.
- [21] The Government of the Socialist Republic of Vietnam, Resolution on Pilot Renovation of the Operation Mechanism of Public Tertiary Education Institutions During 2014-2017, Resolution No. 77/NQ-CP, Issued on 24 October 2014.
- [22] D. T. Thi et al., University Autonomy and Accountability in Vietnam - Current Situation and Solutions, National University Press, Hanoi, 2021.
- [23] D. V. Ung, T. T. T. Hien, Higher Education Accreditation and University Autonomy VNU Journal of Science: Education Research, [S.l.], dec. 2018, ISSN 2588-1159, <https://js.vnu.edu.vn/ER/article/view/4211/>, 2018 (accessed on: November 27<sup>th</sup>, 2020).
- [24] N. X. Huy, Developing conditions for quality assurance in the context of university autonomy at Vietnam National University, Hanoi, <https://www.vnu.edu.vn/ttsk/?C151/N26633/Phat-trien-cac-dieu-kien-dam-bao-chat-luong-trong-boi-can-h-tu-chu-dai-hoc-tai-dHQGHN.htm/>, 2020 (accessed on: November 27<sup>th</sup>, 2020).